

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
C - Đ
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22/12/2025
V/v tranh chấp về Hôn nhân
và Gia đình ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN C - Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn K

2. Ông Huỳnh Văn P

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng X , Thư ký Tòa án nhân dân C - Đ

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân C - Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2025, về “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh ngày 07/10/1968

Căn cước công dân số 087068014913, ngày 04/10/2022.

Địa chỉ: Số 589A/6, ấp K, xã D, tỉnh Đ .

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị E, sinh ngày 01/01/1970

Căn cước công dân số 087170008992, ngày 09/11/2022.

Nơi thường trú: Số 589A/6, ấp K, xã D, tỉnh Đ .

Địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Lê Quang 2 - số 390, tổ 7, khóm L, phường C tỉnh Đ .

Ông Nguyễn Thành T có mặt; Bà Nguyễn Thị E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Nguyễn Thành T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị E kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 441, ngày 18/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện D, tỉnh Đ . Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm. Bà E thường xuyên ghen tuông vô cớ, năm 2022 ông T bắt đầu đi làm ăn thì bà E ghen tuông nhiều hơn dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tháng 5/2023, vợ chồng ly thân đến nay. Tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không T được. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị E.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Thị Mộng Thường, sinh năm 2002 và Nguyễn Phú Hào, sinh năm 2004. Hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị E: Không có văn bản ý kiến nộp cho tòa án.

Tại phiên tòa, đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do bà Nguyễn Thị E có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành T tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ngày 01/7/2025, Tòa án nhân dân C - Đ được thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, Tòa án nhân dân C - Đ tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị E kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 441, ngày 18/12/2022 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện D, tỉnh Đ nay là xã D, tỉnh Đ là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2023 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không T được.

Đối với bà Nguyễn Thị E: Tòa án tổng T các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà E không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án, không tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Thể hiện bà E không muốn đoàn tụ vợ chồng, không phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Ông T yêu cầu ly hôn với bà E phù hợp theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông T trình bày có hai con chung tên Nguyễn Thị Mộng Thường, sinh năm 2002 và Nguyễn Phú Hào, sinh năm 2004, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Bà E không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Bà E không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông T trình bày không có. Bà E không có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Nguyễn Thị E không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP, ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành T ly hôn với bà Nguyễn Thị E (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 441, ngày 18/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, huyện D, tỉnh Đ nay là xã D, tỉnh Đ*).

Về con chung: Ông Nguyễn Thành T trình bày có hai con chung tên Nguyễn Thị Mộng Thường, sinh năm 2002 và Nguyễn Phú Hào, sinh năm 2004, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Bà Nguyễn Thị E không có ý kiến về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành T trình bày tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Bà Nguyễn Thị E không có ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Thành T trình bày không có. Bà Nguyễn Thị E không có ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 0007914, ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

